

Số: 94/2025/BBH-ĐHĐCĐ-IPA

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LP.A

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam¹.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/07/2024.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A được tổ chức từ 14h00 ngày 24/06/2025 tại trụ sở chính của Công ty: Tòa nhà số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau đây:

- Thông qua Quy chế tổ chức, Chương trình họp ĐHĐCĐ;
- Trình ĐHĐCĐ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HDQT”) về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 của HDQT và của từng thành viên HDQT, kế hoạch hoạt động năm 2025;
- Trình ĐHĐCĐ Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025;
- Trình ĐHĐCĐ các nội dung về: BCTC năm 2024 đã kiểm toán; Phân phối lợi nhuận năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2025; Thù lao, phụ cấp cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HDQT, bầu thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- ĐHĐCĐ thảo luận đóng góp ý kiến;
- Thực hiện bỏ phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề được trình trước ĐHĐCĐ;
- Kiểm phiếu biểu quyết;

¹ Địa chỉ sau sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết;
- Thông qua Biên bản họp, bìa mạt ĐHĐCĐ.

IV. DIỄN BIẾN VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Hoàng Thị Minh Phương – Đại diện Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ là 213.835.775 cổ phần.
- Tại thời điểm bắt đầu khai mạc đại hội, tổng số cổ đông tham dự họp Đại hội đại diện cho 184.252.820 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,17% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A đã đủ điều kiện tiến hành họp lệ.

2. Chủ tọa và thành viên đoàn Chủ tịch điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa ĐHĐCĐ và thành viên HĐQT cùng điều hành ĐHĐCĐ gồm:

- | | | |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| - Ông Vũ Hiền | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa Đại hội |
| - Ông Mai Hữu Đạt | - Tổng Giám đốc | - Thành viên |
| - Bà Phạm Minh Hương | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |

3. Thư ký Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa ĐHĐCĐ đã chỉ định ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị làm Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Thư ký ĐHĐCĐ như nêu trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các thành viên:

- | | |
|----------------------------|--------------|
| - Bà Hoàng Thị Minh Phương | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Khánh Huyền | - Thành viên |
| - Bà Trần Quỳnh Hương | - Thành viên |

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông thành phần Ban kiểm phiếu nêu trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

5. Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ (nêu tại Phụ lục đính kèm) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

6. Thông qua nội dung Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ (nêu tại Phụ lục đính kèm) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

7. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình về các vấn đề xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội

- Ông Vũ Hiền – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT và của từng thành viên HĐQT, kế hoạch hoạt động năm 2025.

- Ông Mai Hữu Đạt – Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025;
- Ông Diêu Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị trình bày Tờ trình các nội dung về: BCTC năm 2024 đã kiểm toán; Phân phối lợi nhuận năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2025; Thù lao, phụ cấp cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Bầu thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

8. Các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông đã tham gia ý kiến, trao đổi và thảo luận về các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty, tiến độ dự án tòa văn phòng tại số 19 Trúc Khê, việc IPA tham gia góp vốn vào dự án Lilaha của CRE, giá cổ phiếu của IPA, phương án phân phối lợi nhuận của IPA, khoảng cách của IPA và VNDIRECT.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã trao đổi và giải đáp các câu hỏi và ý kiến của các cổ đông về các vấn đề nêu trên và các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty.

Các ý kiến phát biểu, thảo luận cụ thể tại ĐHĐCĐ đã được ghi chép/ghi âm lại đầy đủ.

V. TỔNG SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐỐI VỚI TỪNG VẤN ĐỀ

- 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT và của từng thành viên HĐQT, kế hoạch hoạt động năm 2025**
 - Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty**
 - Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 4. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.121.044 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 131.776 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 6. Thông qua việc chi trả thù lao, phụ cấp của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác**

- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 7. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 9. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 5.160 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 10. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 5.160 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 11. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 5.160 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 12. Thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**
- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu tán thành: 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không tán thành: 127.700 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 13. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

- Tổng số phiếu biểu quyết: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tán thành: 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 132.860 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,07% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

14. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CCCD	Số phiếu bầu
1	Mai Hữu Đạt		180.438.776

15. Bầu các thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông đã bầu các thành viên Ban kiểm soát Công ty (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CCCD	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Hồng Huệ		182.080.696
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo		181.429.736
3	Đặng Hoàng My		177.369.996

Các thành viên Ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 5 năm kể từ ngày được bầu.

VI. CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT và của từng thành viên Hội đồng quản trị, kế hoạch hoạt động năm 2025

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT và của từng thành viên Hội đồng quản trị, kế hoạch hoạt động năm 2025. Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty. Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán. Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.252.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

4. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024

ĐHĐCĐ đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty (theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2024	22.365.434.370
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2024	50.787.466.346
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	50.787.466.346
5	Mức cổ tức	0

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.121.044 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty..

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

6. Thông qua việc chi trả thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chi trả thù lao, phụ cấp của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo Tờ trình của HĐQT được trình bày tại Đại hội. Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

7. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty sang mô hình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động mới của Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các nội dung như nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Điều lệ mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục kèm theo Biên bản này. Điều lệ mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Công ty, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

9. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

ĐHĐCĐ đã nhất trí phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các nội dung như nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục kèm theo Biên bản này. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung và thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

10. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ đã nhất trí phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung như nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục kèm theo Biên bản này. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung và thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

11. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

ĐHĐCĐ đã thông qua việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty với các nội dung như nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

12. Thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

ĐHĐCĐ đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty với các nội dung được nêu tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.125.120 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

13. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT của Công ty

ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh (CCCD số) kể từ ngày 24/06/2025.

Quyết định này được ĐHĐCĐ thông qua với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 184.119.960 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,93% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết.

14. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027

Ông Mai Hữu Đạt (CCCD số) đã được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 với số phiếu bầu là 180.438.776 phiếu.

15. Bầu các thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông đã bầu các thành viên sau vào Ban Kiểm soát của Công ty (theo phương thức bầu dồn phiếu):

STT	Họ và tên	Số CCCD	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Hồng Huệ		182.080.696
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo		181.429.736
3	Đặng Hoàng My		177.369.996

Các thành viên Ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 5 năm kể từ ngày được bầu.

VII. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ BẾ MẠC ĐHĐCĐ

Biên bản này được Thư ký ĐHĐCĐ lập và đọc lại trước toàn thể cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ và đã được ĐHĐCĐ tán thành thông qua toàn văn nội dung Biên bản.

Căn cứ vào Biên bản này, Chủ tịch HĐQT Công ty có trách nhiệm thay mặt ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty, công bố thông tin và thông báo tới các cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tọa và Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ cam kết liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản này.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A kết thúc vào lúc 16h00 cùng ngày.

Chữ ký của Chủ tọa Đại hội và thư ký Đại hội



Diêu Ngọc Tuấn

Thư ký Đại hội



Vũ Hiền

Chủ tọa Đại hội - Chủ tịch HĐQT



PHỤ LỤC 1

**CÁC TÀI LIỆU, BÁO CÁO/TỜ TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

*(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập
đoàn Đầu tư I.P.A)*





CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Thời gian họp: Từ 14h00, ngày 24 tháng 06 năm 2025

Địa điểm họp: Trụ sở chính của Công ty, Tòa nhà Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	Nội dung	Thời gian
1	Đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	14h00-14h15
2	Khai mạc ĐHĐCĐ	14h15-14h30
-	Báo cáo kết quả đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	
-	Giới thiệu Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ	
-	Bầu Ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ	
-	Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ	
-	Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ	
3	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT và của từng thành viên HĐQT, kế hoạch hoạt động năm 2025	14h30-14h45
4	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025	14h45-15h00
5	Trình ĐHĐCĐ các nội dung về: BCTC năm 2024 đã kiểm toán; Phân phối lợi nhuận năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2025; Thù lao, phụ cấp cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Bầu thành viên Ban kiểm soát của Công ty	15h00-15h35
6	ĐHĐCĐ thảo luận	15h35-16h05
7	ĐHĐCĐ thực hiện biểu quyết	16h05-16h15
8	Kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả kiểm phiếu	16h15-16h25
9	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ	16h25-16h30

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LP.A**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A, việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ("ĐHĐCD") của Công ty được tiến hành theo Quy chế này với những quy định cụ thể sau đây:

Điều 1. Dự họp ĐHĐCD

1. Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCD.
2. Hình thức dự họp:
Cổ đông tham dự họp theo một trong các hình thức sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (mẫu giấy ủy quyền tải về từ địa chỉ http://www.ipa.com.vn/tbhh_dh_vn.htm);
 - Tham dự và biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
3. Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền (sau đây gọi chung là Cổ đông) có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCD.
4. Khi tham dự họp ĐHĐCD, Cổ đông sẽ có số phiếu biểu quyết, phiếu bầu tương ứng với số cổ phần mà Cổ đông sở hữu.
5. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCD sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền tham gia và quyền biểu quyết ngay sau khi được xác nhận tham dự họp. Trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCD để cho Cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi và không bị ảnh hưởng.
6. Cổ đông phải nghiêm túc chấp hành quy chế và nội quy tại cuộc họp ĐHĐCD, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCD và sự điều hành của Chủ tọa ĐHĐCD.

Điều 2. Ban tổ chức ĐHĐCD

1. Ban tổ chức ĐHĐCD do HĐQT Công ty chỉ định. Ban tổ chức ĐHĐCD có trách nhiệm thực hiện các công việc cần thiết cho việc tổ chức họp ĐHĐCD.
2. Ban tổ chức ĐHĐCD có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và báo cáo trước ĐHĐCD về kết quả đăng ký các cổ đông dự họp ĐHĐCD. Trường hợp người đến dự họp không đủ tư cách tham dự họp ĐHĐCD thì Ban tổ chức có quyền từ chối việc đăng ký dự họp của cổ đông đó.

Điều 3. Chủ tọa, Thư ký ĐHĐCD

1. Chủ tọa ĐHĐCD là Chủ tịch HĐQT. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.
2. Thư ký ĐHĐCD do Chủ tọa đề cử. Thư ký ĐHĐCD thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa trong việc tổ chức họp ĐHĐCD và lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCD.



Điều 4. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu/biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
2. Ban kiểm phiếu có quyền và nhiệm vụ: (i) hướng dẫn và giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, (ii) tổ chức thực hiện kiểm phiếu theo quy định, (iii) lập Biên bản kiểm phiếu.
3. Mọi công việc kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 5. Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của ĐHĐCĐ.
3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại ĐHĐCĐ.
4. Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 6. Biểu quyết

1. ĐHĐCĐ biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến biểu quyết.
3. Biểu quyết:
 - Cổ đông sẽ thực hiện việc biểu quyết các vấn đề của cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết bằng gửi phiếu biểu quyết trực tiếp, gửi phiếu biểu quyết từ xa hoặc bỏ phiếu điện tử.
 - Cổ đông có thể biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử ngay sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống biểu quyết của Công ty.
Tài khoản đăng nhập để thực hiện bỏ phiếu điện tử được Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thông báo/gửi cho cổ đông sau khi Công ty thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ.
 - Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu biểu quyết. Mọi kết quả bỏ phiếu biểu quyết dưới Tài khoản đăng nhập của cổ đông sẽ được mặc nhiên ghi nhận là ý chỉ biểu quyết của cổ đông.
 - Trong trường hợp cổ đông đã đăng nhập vào hệ thống để biểu quyết điện tử nhưng chưa hoàn tất việc bỏ phiếu vì bất kỳ lý do nào, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã bỏ phiếu. Các vấn đề chưa bỏ phiếu sẽ ghi nhận là Cổ đông tán thành với vấn đề đó khi kết thúc thời gian biểu quyết. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung.
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc việc biểu quyết được thực hiện theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Phiếu biểu quyết
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ mới có giá trị để tính tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ là (i) Phiếu theo mẫu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ gửi/phát cho các cổ đông có đầy đủ nội dung quy định; và (ii) Được cổ đông điền thông tin biểu quyết theo đúng quy định; (iii) Được cổ đông bỏ phiếu đúng nơi và đúng thời gian quy định.
 - Đối với việc biểu quyết điện tử: Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu trên hệ thống biểu quyết điện tử của Công ty.
 - Các Phiếu biểu quyết được gửi đến Ban Tổ chức ĐHĐCĐ sau khi kết thúc thời gian biểu quyết đều được coi là Phiếu biểu quyết không hợp lệ.

5. Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ và phiếu biểu quyết điện tử để tiến hành kiểm phiếu, thống kê kết quả biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu.
6. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các trường hợp sau đây:
 - Các nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành: việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định nêu tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 7. Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát (BKS) là 03 thành viên. ĐHĐCĐ sẽ thực hiện bầu/thay đổi một (01) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ từ năm 2022 đến năm 2027 (do có 01 thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm) và bầu 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ không quá 05 năm (do Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý).
2. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT, BKS và tiêu chuẩn ứng viên để bầu làm thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên làm thành viên HĐQT, BKS gồm: văn bản ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS; bản thông tin cá nhân/sơ yếu lý lịch do ứng viên khai theo mẫu quy định; bản sao CCCD hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực; Các tài liệu chứng minh ứng viên đáp ứng đủ các điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS; và Văn bản lập nhóm cổ đông (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử). Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên bầu làm thành viên HĐQT, BKS phải được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ trước ngày họp ĐHĐCĐ ít nhất 03 ngày làm việc. Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi đến sau thời hạn nêu trên đều được coi là không hợp lệ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên HĐQT, BKS được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau. Cổ đông có thể chỉ sử dụng một phần trong tổng số phiếu bầu của mình, số phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó.
4. Người trúng cử/được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT là 01 người có số phiếu bầu cao nhất, được xác định theo tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp. Trường hợp có nhiều hơn số lượng ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao như nhau cho vị trí thành viên HĐQT cần bầu bổ sung thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó. Người trúng cử/được bầu làm thành viên BKS là 03 người có phiếu bầu cao nhất, được xác định theo tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ 03 thành viên BKS (trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó).

Điều 8. Phát biểu tại ĐHĐCĐ

1. Việc phát biểu tại ĐHĐCĐ phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Cổ đông chỉ được tham gia phát biểu trong phần thảo luận của ĐHĐCĐ và/hoặc sau khi được Chủ tọa chấp thuận.
 - Chủ tọa có quyền từ chối hoặc cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
 - Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.
2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Ngắn gọn và rõ ràng.
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước đó.
 - Không đề xuất các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, mang tính cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của ĐHĐCĐ.

Điều 9. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Các nội dung chủ yếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký ĐHĐCĐ tổng hợp vào biên bản của ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ và các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua phải được công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A sau khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua thì sẽ có giá trị áp dụng đối với tất cả các hoạt động liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2025.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Hiền



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư L.P.A

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị (HDQT) được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, HDQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư L.P.A xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về quản trị và kết quả hoạt động năm 2024 của HDQT và từng thành viên HDQT như sau:

1. Báo cáo chung về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

HDQT Công ty đã duy trì hoạt động với số thành viên trong năm 2024 là 05 người, duy trì số lượng thành viên HDQT độc lập và thành viên không điều hành đảm bảo tuân thủ quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Trong năm 2024, HDQT đã tổ chức 13 cuộc họp, bao gồm các cuộc họp định kỳ và đột xuất để kịp thời đưa ra các quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm hoạt động quản trị doanh nghiệp, cơ cấu quản lý doanh nghiệp, tổ chức nhân sự, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty và các doanh nghiệp thành viên (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"). Các thành viên HDQT đều tham gia thảo luận, biểu quyết và đồng thuận cao đối với các vấn đề được thông qua bởi HDQT. Các cuộc họp của HDQT được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HDQT đều đã được công bố, trình bày đầy đủ trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024.

HDQT đã quyết định, phê duyệt các quyết định đầu tư, kế hoạch hoạt động, quyết định các chiến lược kinh doanh mới, phương án đầu tư, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch triển khai các dự án của Tập đoàn. HDQT cũng thường xuyên sát sao trong việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành Công ty và các doanh nghiệp thành viên trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.

HDQT đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát quy định pháp luật, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, quy trình nội bộ để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản trị công ty của Tập đoàn.

HDQT đã chỉ đạo Ban điều hành các doanh nghiệp trong Tập đoàn triển khai các giải pháp tối ưu hóa hoạt động quản trị nhân sự thông qua xây dựng hệ thống quản lý công việc và hiệu suất, số hóa các quy trình nghiệp vụ; quy hoạch cấu trúc tổ chức và chuyên môn hóa vị trí công việc, đầu tư nền tảng công nghệ và nâng cao năng lực quản trị cho lãnh đạo.

2. Kết quả hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban điều hành

Nhằm bảo đảm hoạt động quản trị, điều hành của Tập đoàn được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ, phân công nhiệm vụ, các Nghị quyết/Quyết định của HDQT/ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật hiện hành, HDQT thường xuyên, cẩn trọng giám sát việc điều hành đối với các hoạt động của Ban điều hành Công ty và các doanh nghiệp thành viên. Trong năm 2024, Ban điều hành Công ty đã có các hoạt động nổi bật như sau:

- Điều hành hoạt động của các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh mới và hiện hữu của Tập đoàn theo định hướng của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị;



- Đưa ra các kiến nghị, phương án xây dựng chính sách, quy định quản lý nội bộ của Tập đoàn;
- Quyết định các vấn đề kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tuyển dụng lao động, quyết định các vấn đề lương, thưởng, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty;
- Tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, Ban điều hành đều có báo cáo kết quả kinh doanh đạt được trong kỳ, đồng thời cung cấp các tài liệu giải trình và nêu kế hoạch dự kiến tại các kỳ tiếp theo;
- Tham gia giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của Công ty;
- Ban điều hành đã phối hợp với HĐQT chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Tổ chức, chỉ đạo, giám sát tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đối với các trái phiếu do Công ty phát hành.

Có thể thấy rằng, trong năm 2024, Ban điều hành đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao; đã điều hành, quyết định, quản lý các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, tuân thủ quy định tại Điều lệ, tuân thủ các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, tuân thủ quy định của pháp luật.

3. Thù lao, phụ cấp, chi phí hoạt động và lợi ích khác của HĐQT

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT căn cứ theo vị trí công việc của mình tại Công ty đã được nhận các khoản thù lao, phụ cấp và/hoặc tiền lương, thưởng (đối với thành viên HĐQT tham gia điều hành). Tổng các khoản thù lao, phụ cấp Công ty chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 là 465,4 triệu đồng. Tổng các khoản tiền lương, thưởng Công ty chi trả cho các thành viên HĐQT tham gia điều hành, làm việc theo hợp đồng lao động với Công ty trong năm 2024 là 155 triệu đồng. Các khoản thù lao, phụ cấp của từng thành viên HĐQT năm 2024 cũng được trình bày cụ thể trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty và được nêu tại phần “Thù lao, phụ cấp của thành viên HĐQT, BKS, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác” trong Tờ trình của HĐQT. Ngoài các khoản thù lao, phụ cấp, lương, thưởng nêu trên thì các thành viên HĐQT không nhận thêm lợi ích nào khác từ Công ty.

4. Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

Trong năm 2024, để phục vụ cho các hoạt động quản trị, vận hành và phát triển kinh doanh, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan. Việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Công ty, đồng thời có báo cáo và công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có) đã được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 (lập ngày 24/01/2025), Báo cáo tài chính và được công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ www.ipa.com.vn.

Hội đồng quản trị đánh giá rằng các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan đã đảm bảo phù hợp với Nghị quyết đã được HĐQT phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật và không có xung đột lợi ích.

5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT

Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp/buổi làm việc, đảm bảo việc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức các cuộc họp/buổi làm việc của Ủy ban kiểm toán để phân công chức năng, nhiệm

vụ và định hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán; Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT/Chủ tịch HĐQT;
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động kinh doanh, tham gia đưa ý kiến trong các cuộc họp HĐQT;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt;
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành của Nhà nước;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Giám sát việc tuân thủ quy định và nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

Trong năm 2024, HĐQT cũng đã họp để thay đổi Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, theo đó, bà Nguyễn Ngọc Thanh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thay ông Vũ Hoàng Hà kể từ ngày 17/10/2024.

6. Hoạt động của các thành viên HĐQT

a. Hoạt động chung của các thành viên HĐQT

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết đối với các vấn đề được Ban điều hành xin ý kiến HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, luôn bảo vệ lợi ích hợp pháp của Tập đoàn, trung thành với lợi ích của cổ đông, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ công ty và quy định của pháp luật.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ, tổ chức thành công các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt hiệu quả;
- Các thành viên HĐQT không điều hành đã có đóng góp tích cực trong việc tư vấn, phân biện và đưa ra ý kiến chuyên môn cho Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai các hoạt động của Công ty;
- Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị là những thành viên có chuyên môn, kiến thức tốt trong lĩnh vực tài chính, đầu tư đã thường xuyên tham gia đóng góp ý kiến trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quy định, chính sách của Công ty cũng như tham gia đảm nhận vị trí tại Ủy ban kiểm toán theo đúng quy định. Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá đối với các hoạt động của HĐQT theo Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Công ty, quy định pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Trong hoạt động đầu tư kinh doanh lớn của Công ty, các thành viên HĐQT, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, định hướng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh của Công ty.

b. Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt việc quản lý, chỉ đạo, thiết lập cơ cấu tổ chức, đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời giúp giải quyết được những vấn đề phát sinh trước biến động của thị trường tài chính, bất động sản và đặc biệt là sự thay đổi của chính sách pháp luật.

Những quyết sách, chỉ đạo kịp thời của HĐQT đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị, kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, quản lý nhân sự của Công ty.

c. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán

- Thù lao, phụ cấp, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành

viên Ủy ban kiểm toán: Thủ lao, phụ cấp của các thành viên Ủy ban kiểm toán đồng thời là thủ lao/phụ cấp của thành viên HĐQT và được chi trả là 8 triệu đồng/người/tháng, được chi trả cho thời gian đảm nhiệm thực tế.

- Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán: Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ, các thành viên Ủy ban kiểm toán đều tham dự đầy đủ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Qua các cuộc họp HĐQT và thực hiện chức năng kiểm toán, Ủy ban kiểm toán đánh giá rằng các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, thực hiện theo đúng chủ trương phê duyệt của ĐHĐCĐ.
- Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty: Ủy ban kiểm toán đánh giá Công ty đã tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng các quy định. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá về giao dịch của Công ty với người có liên quan: Việc phê duyệt, thực hiện các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được xin phê duyệt cấp có thẩm quyền của Công ty và được công bố thông tin theo quy định.
- Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty: Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty đã được thiết lập và vận hành phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế các hoạt động của Công ty.
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty: Ủy ban kiểm toán đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về cơ bản đã tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai đồng bộ các phương án kinh doanh, quản lý nội bộ về cơ chế, thị trường, nhân sự, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro... để thực hiện các chủ trương/kế hoạch theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông: Căn cứ theo các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và Ủy ban kiểm toán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, cùng nhau phối hợp trong việc hoạch định, quản trị, điều hành, kiểm soát các hoạt động của Công ty, giúp mang lại hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành Công ty. Đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, tại các cuộc họp HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán đều tham gia đầy đủ và có ý kiến với những vấn đề được trình bày, đề xuất các nội dung khác để đưa ra những quyết định đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Trong năm 2024, HĐQT cũng chưa nhận được bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào của cổ đông/nhóm cổ đông liên quan đến việc quản trị, điều hành Công ty.

7. Báo cáo về việc phát hành trái phiếu

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện 05 đợt phát hành trái phiếu. Các trái phiếu đã phát hành trước đó đều được Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, tuân thủ các cam kết với nhà đầu tư. Đến thời điểm hiện tại, Công ty còn 05 mã trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải khoản nợ thứ cấp của doanh nghiệp. Các trái phiếu trên đều có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành (Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đã được công bố trên website của Công ty).

Việc chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty đã được triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan. Các tài liệu và hồ sơ liên quan đến đợt chào bán

trái phiếu được báo cáo đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hiện nay, các mã trái phiếu nêu trên của Công ty đều được lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với tất cả các trái phiếu mà Công ty đã thực hiện phát hành.

8. Các nội dung đã thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 nhưng chưa thực hiện

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty đã thông qua các phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này Công ty chưa triển khai thực hiện việc chào bán, phát hành cổ phiếu theo các phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua. Lý do cơ bản là do điều kiện thị trường trong thời gian qua không thực sự phù hợp.

Trong thời gian tới và các năm tiếp theo, căn cứ theo các điều kiện thị trường và chiến lược phát triển trong giai đoạn mới của Công ty, khi có các điều kiện phù hợp, HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu trên.

9. Mục tiêu và định hướng phát triển của IPA trong năm 2025

Dựa trên nền móng vững chắc và những tiềm năng đã tích lũy trong một phần tư thế kỷ, IPA định hướng trở thành một hệ sinh thái hàng đầu Việt Nam với tôn chỉ hoạt động vì đại đồng tiến bộ. Trong năm 2025, Tập đoàn IPA tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái để hiện thực hóa các mục tiêu dài hạn dựa trên các trụ cột chính của Tập đoàn trong các lĩnh vực cốt lõi.

Tập đoàn luôn xác định tầm nhìn trở thành tổ chức tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại để kiến tạo các giải pháp kinh doanh hiệu quả, thông minh trong lĩnh vực kinh tế xanh và kinh tế số, đồng thời khơi dậy và gìn giữ cốt lõi tinh hoa dân tộc Việt Nam. Chúng tôi hiểu rằng, trong một thế giới mà AI và tự động hóa ngày càng phát triển, yếu tố con người – với khả năng kết nối, sẻ chia, sáng tạo và thích ứng – vẫn luôn là tâm điểm tạo sức mạnh cho doanh nghiệp.

Năm 2025, Tập đoàn tập trung nguồn lực để phát triển mạnh hai lĩnh vực chủ lực: dịch vụ tái chính cá nhân và dịch vụ bán lẻ, với cam kết tạo ra hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ chuẩn mực theo tiêu chí 5A: Affordable - Chi phí hợp lý, Accessible - Dễ tiếp cận, Accommodative - Dễ lựa chọn, Authenticity - Minh bạch, Advocacy - Đồng hành và bảo vệ quyền lợi khách hàng. Đây là những trụ cột giúp Tập đoàn liên tục mở rộng hệ sinh thái, tăng trưởng hiệu quả và tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững trên thị trường.

IPA xác định, mỗi bước đổi mới về công nghệ, mỗi lần hoàn thiện vận hành hiệu quả, là một lần mở rộng cơ hội tăng trưởng, tăng giá trị nội tại và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trên thị trường. Tập đoàn luôn tin tưởng rằng cơ hội tăng trưởng là hiện hữu, khi thị trường không ngừng dịch chuyển với sự bùng nổ của chuyển đổi số, thay đổi xu hướng tiêu dùng và nhu cầu ngày càng đa dạng.

Chúng tôi coi con người là tài sản quý nhất và kiên định xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, sáng tạo, trách nhiệm. Mỗi thành viên Tập đoàn đều mang trong mình ý chí vươn lên, tinh thần phục vụ, sẵn sàng học hỏi và thích ứng để biến thách thức thành cơ hội phát triển. Trong những năm tới, Tập đoàn tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp với chủ trương kiến tạo một môi trường phát triển bền vững, minh bạch, nơi mọi nguồn lực được tối ưu và đẩy mạnh hiệu quả. Từ đó, mỗi giá trị được tạo ra sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho tổ chức mà còn đóng góp tích cực cho cộng đồng những người đồng hành, nhà đầu tư, và xã hội.

IPA không chỉ là một tập đoàn đầu tư đa ngành, mà là một ngôi nhà lớn kết nối và cộng hưởng khát vọng đa thế hệ, nơi mỗi đóng góp dù nhỏ đều được trân trọng. Chúng tôi tin rằng thành công của IPA không xuất phát từ cá nhân xuất chúng, mà từ sức mạnh tập thể biết sẻ chia, sát cánh và lan toả những giá trị tích cực ra ngoài xã hội.

Kính thưa Quý vị Cổ đông, trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc các Quý Cổ đông dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Hiền



Số: 90/2025/BC-BĐH

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

I. Kết quả hoạt động năm 2024

1.1. Điều kiện kinh doanh năm 2024

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực đáng ghi nhận trong bối cảnh nhiều thách thức từ môi trường kinh tế toàn cầu đầy biến động. Tăng trưởng GDP của đất nước ấn tượng ở mức 7,1%, đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở khu vực Châu Á. Sự tăng trưởng này không chỉ phản ánh sức mạnh nội tại của nền kinh tế mà còn nhấn mạnh khả năng phục hồi và thích ứng trước những biến đổi của thị trường quốc tế.

Đặc biệt, lạm phát đã được kiểm soát hiệu quả ở mức 3,63%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% mà Quốc hội đã đề ra. Điều này cho thấy các chính sách điều hành kinh tế đã phát huy hiệu lực, giúp ổn định giá cả hàng hóa và dịch vụ trong nước, qua đó củng cố lòng tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư.

Môi trường lãi suất thấp kéo dài đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp trong nước đã tận dụng được lợi thế này để mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Hơn nữa, tăng trưởng tín dụng đạt 15,1%, cao hơn mức 13,8% của năm 2023, cho thấy dòng tiền đang được lưu thông hiệu quả và các ngân hàng thương mại đang tích cực hỗ trợ cho các doanh nghiệp vay vốn phát triển.

1.2. Kết quả kinh doanh năm 2024

Trong bối cảnh kinh tế 2024 đầy thách thức với nhiều biến động địa chính trị toàn cầu, lãi suất vẫn ở mức cao, mô hình kinh doanh đa ngành của Tập đoàn IPA đã thể hiện tính ưu việt trong việc phân tán rủi ro và tận dụng cơ hội. Hoạt động trong các lĩnh vực đa dạng từ dịch vụ tài chính đến thực phẩm, từ kinh tế số đến kinh tế xanh đã giúp Tập đoàn IPA duy trì sự ổn định. Sự kết nối giữa các đơn vị trong hệ sinh thái không chỉ giúp tối ưu chi phí vận hành mà còn tạo ra các giá trị cộng hưởng, củng cố vị thế của Tập đoàn IPA trên thị trường.

Năm 2024, Tập đoàn IPA tiếp tục phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng theo các trụ cột kinh doanh chủ đạo: dịch vụ tài chính, cung cấp giải pháp quản trị doanh nghiệp, đầu tư lĩnh vực năng lượng, sản xuất và phân phối sản phẩm xanh và sạch, đồng thời hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đã đặt ra tại ĐHĐCĐ thường niên:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ hoàn thành KH 2024	Tăng trưởng so với năm 2023
Tổng doanh thu hợp nhất	1.080	1.305	121%	14%
Lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất	425	517	122%	51%

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 tăng trưởng 14% so với năm trước và vượt kế hoạch doanh

thu do ĐHĐCĐ đặt ra là 21%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 517 tỷ, tăng 51% so với năm trước và vượt 22% so với kế hoạch. Năm 2024, Tập đoàn IPA đã tiến hành tái cấu trúc danh mục đầu tư cổ phần tư nhân, ghi nhận hiệu quả đầu tư vào tăng trưởng lợi nhuận trong năm. Vốn chủ sở hữu hợp nhất cuối năm 2024 là 4.500 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE hợp nhất) năm 2024 là 10,5% tăng 26% so với tỷ suất sinh lời năm 2023 là 8,3%.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 470 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2023 dẫn đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA hợp nhất) của Tập đoàn IPA tăng lên 5,4% so với mức 3,8% của năm trước.

Năm 2024, cấu trúc tổng tài sản của Tập đoàn IPA có sự thay đổi theo hướng giảm các tài sản ngắn hạn xuống 1.956 tỷ đồng và tăng các tài sản dài hạn lên 6.715 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh chính có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn. Danh mục các khoản đầu tư dài hạn này hiện ở mức 5.739 tỷ đồng, chiếm 66,2% tổng tài sản của Tập đoàn.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn IPA không quá cao, lần lượt là 0,5 và 0,9. Với các hệ số này, đòn bẩy tài chính được sử dụng một cách hợp lý, vừa mang lại hiệu quả tốt, vừa đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động của các đơn vị và đảm bảo khả năng thanh toán an toàn.

Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh và duy trì tình hình tài chính lành mạnh, trong năm vừa qua, Tập đoàn IPA còn đạt được những kết quả khả quan sau:

- Tiếp tục khẳng định vị thế đầu tư, năng lực cạnh tranh và uy tín thương hiệu của một Tập đoàn kinh tế đầu tư kinh doanh đa ngành tại thị trường Việt Nam. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 của hầu hết các doanh nghiệp thành viên trong hệ sinh thái của Tập đoàn IPA đều có nhiều chuyển biến tích cực và còn nhiều dư địa tăng trưởng trong trung và dài hạn;
- Hoàn thiện cơ bản quá trình tái cấu trúc cơ cấu sở hữu tại các đơn vị thành viên, hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên được chia thành các trục rõ ràng, nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát, hỗ trợ hoạt động của các đơn vị;
- Tiếp tục sứ mệnh mang đến những giá trị, lợi ích tốt đẹp cho xã hội không chỉ về mặt tài chính mà còn trong cả đời sống, mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm thuần tự nhiên, tốt cho sức khỏe, nuôi dưỡng và phát triển nếp sống lành mạnh;
- Duy trì và tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, quy mô nhân viên không ngừng tăng lên, số lượng nhân viên cuối năm 2024 là 483 người, tăng 18% so với cuối năm 2023.

1.3. Kết quả kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động

Dịch vụ tài chính

Các công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực tài chính của Tập đoàn IPA trong năm 2024 đã vượt qua được những khó khăn, thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài để đạt được những kết quả tích cực. Trong đó tiêu biểu như:

- Công ty chứng khoán VNDIRECT - thành viên của Tập đoàn - đã thể hiện được sự kiên định trong chiến lược phát triển và khả năng thích ứng linh hoạt. Mặc dù lợi nhuận có sự sụt giảm nhẹ so với năm trước, VNDIRECT vẫn duy trì được vị thế trong nhóm các công ty chứng khoán hàng đầu thị trường với kết quả kinh doanh ổn định và bền vững. Về hoạt động kinh doanh thị trường vốn, VNDIRECT đã thành công trong việc duy trì cấu trúc bảng cân đối vững mạnh với tỷ trọng tài sản thanh khoản cao thông qua việc mở rộng được danh mục đầu tư trái phiếu do các Ngân hàng phát hành. Đối với mảng dịch vụ chứng khoán, dù phải đối mặt với sự cố tấn công hệ thống công nghệ, VNDIRECT vẫn ghi nhận sự tăng trưởng về số lượng khách hàng và duy trì được thị phần ấn tượng trên cả ba sàn giao dịch.

- Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán IPA (IPAAM) trong năm 2024 cũng đạt được những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh. IPAAM đã có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, và đảm bảo hiệu quả trong chiến lược đầu tư và quản lý quỹ chuyên nghiệp. Kết quả hoạt động của IPAAM đến từ việc tối ưu hóa hoạt động quản trị, đầu tư kết hợp với chính sách kiểm soát chi phí hiệu quả.

Sản xuất hàng tiêu dùng, nông sản xanh

Trong năm 2024, các công ty thành viên trong Tập đoàn cũng đã ghi dấu ấn trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm thực dưỡng và các sản phẩm nông nghiệp xanh thông qua việc đầu tư hạ tầng sản xuất, chuẩn hóa quy trình sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng, và tối ưu hóa hệ thống quản trị dữ liệu. Đây là những yếu tố cốt lõi giúp củng cố uy tín và giá trị thương hiệu của Công ty. Các đơn vị thành viên của IPA đã đầu tư vào nghiên cứu, sản xuất để phát triển và ra mắt các sản phẩm/thương hiệu mới như bánh mì Pháp Delivie, cà phê hữu cơ NAO Coffee. Các đơn vị thành viên cũng ra mắt các dòng sản phẩm mới của các thương hiệu mật ong VinaBee, trà cổ thụ Shantra, sản phẩm chăm sóc cơ thể và làm sạch nhà cửa thể hệ mới Tôi là Thảo mộc.

Dịch vụ công nghệ, chuyển đổi số

Năm vừa qua, IPA Solution - công ty chuyên cung cấp giải pháp công nghệ và chuyển đổi số đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nghiên cứu phát triển. IPA Solution đã triển khai các dự án đổi mới sáng tạo, từ đó hiện thực hóa các giải pháp công nghệ tiên tiến cho các đối tác. IPA Solution đã đóng gói và triển khai cho các khách hàng các sản phẩm như hệ thống quản trị khách hàng, hệ thống quản trị hoạt động, hệ thống quản trị tài sản... Các sản phẩm công nghệ đều được triển khai dựa trên kiến trúc và nền tảng đặc thù của IPA Solution, giúp rút ngắn thời gian triển khai và tăng tính linh hoạt của giải pháp. IPA Solution luôn sở hữu các giải pháp công nghệ, số hóa linh hoạt và an toàn, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Tư vấn quản trị doanh nghiệp

IPA Management – công ty thành viên của Tập đoàn – cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, bao gồm: pháp lý quản trị, quản trị nhân sự, phát triển nguồn nhân lực, quản trị tài chính và quản trị vận hành. Trong năm qua, IPA Management đã tư vấn và hỗ trợ nhiều doanh nghiệp trong hệ sinh thái IPA trong việc hoàn thiện mô hình tổ chức, chuẩn hóa quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị, hướng đến các chuẩn mực điều hành tiên tiến và phát triển bền vững. Trong năm qua, IPA Management đã đồng hành cùng các công ty trong hệ sinh thái để cung cấp các gói dịch vụ tư vấn quản trị với mục tiêu tiếp cận chuẩn mực quản trị tiên tiến cũng như xu hướng về quản trị bền vững.

Đào tạo, phát triển nhân sự

Trong năm qua, các đơn vị thành viên Tập đoàn IPA đã đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo và phát triển năng lực làm việc cho đội ngũ cán bộ nhân viên trong toàn hệ sinh thái cũng như các doanh nghiệp đối tác. Các chương trình tập trung vào việc nâng cao năng lực làm việc, năng lực quản trị và năng lực kinh doanh, được thiết kế theo từng cấp độ và sát với nhu cầu thực tiễn. Thông qua đào tạo chuyên sâu và huấn luyện thực tiễn, góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự làm nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong thời gian tới, IPA Accademy – đơn vị thành viên về đào tạo phát triển sẽ đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ đào tạo, phát triển kỹ năng làm nghề cho nhân sự của các doanh nghiệp đối tác, đặc biệt chú trọng lồng ghép các nội dung đào tạo về quản trị bền vững, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả vận hành, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, xã hội và quản trị.

Đầu tư và năng lượng

Trong năm 2024 các dự án đầu tư liên quan đến bất động sản của các công ty trong Tập đoàn đã bắt đầu đạt được những bước tiến nhất định trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án để có thể thực hiện triển khai thi công trong tương lai gần. Đối với hoạt động kinh doanh năng lượng thì hoạt động Thủy điện đóng góp vai trò quan trọng, trong năm 2024, sản lượng điện của Công ty CP Năng lượng Bắc Hà đã tăng 34% so với sản lượng điện năm 2023. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã đầu tư vào lĩnh vực xây dựng lắp đặt điện mặt trời áp mái, hiện tại đã có những khách hàng đầu tiên. Lĩnh vực này không chỉ đem lại một ngành nghề kinh doanh mới cho Tập đoàn mà còn góp phần đẩy mạnh hoạt động sử dụng năng lượng tái tạo phát triển kinh tế xanh theo chủ trương chung của Nhà nước.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

2.1. Dự báo tình hình kinh tế năm 2025

Theo Tổng Cục Thống kê, GDP Việt Nam tăng trưởng 6,93% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2020 và cao hơn kịch bản tăng trưởng cơ sở, dù vẫn thấp hơn mức mục tiêu tăng trưởng 7,7% theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, việc đạt được mục tiêu tăng trưởng tham vọng trên sẽ gặp nhiều thách thức trong bối cảnh bất ổn kinh tế toàn cầu gia tăng, nổi bật là chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ và những biến động địa chính trị khác trên thế giới. Trước diễn biến đó, Chính phủ Việt Nam sẵn sàng triển khai các biện pháp kích thích kinh tế mạnh mẽ hơn nhằm ứng phó với các rủi ro phát sinh và hỗ trợ tăng trưởng trong năm 2025.

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn năm 2025 và các năm tiếp theo như đã được nêu trong Báo cáo của HĐQT, Ban điều hành và HĐQT Công ty cùng thống nhất kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Tập đoàn IPA như sau: (i) Tổng doanh thu hợp nhất: 1.180 tỷ đồng; (ii) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 468 tỷ đồng; (iii) Tổng doanh thu Công ty mẹ: 620 tỷ đồng; (iv) Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ: 360 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A. Ban Điều hành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi gửi lời cảm ơn đến các Quý cổ đông, kính chúc các Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

MAI HỮU ĐẠT



Số: 91/2025/TTr-IPA

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Thông qua báo cáo tài chính năm 2024; Phân phối lợi nhuận năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2025; Chi trả thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, bầu thành viên Ban kiểm soát

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A ("Công ty") xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất (đồng)	Báo cáo tài chính công ty mẹ (đồng)
1.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	560.054.620.730	26.963.674.807
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	458.658.911.672	376.201.646.199
3.	Chi phí tài chính	418.170.026.569	360.127.079.619
4.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	280.680.521.865	0
5.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	517.060.624.209	22.495.114.129
6.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	517.378.409.844	22.365.434.370
7.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	470.122.580.868	22.365.434.370

Toán văn nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán đã được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.ipa.com.vn.

2. Phân phối lợi nhuận năm 2024

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (theo Báo cáo tài chính riêng) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2024	22.365.434.370
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2024	50.787.466.346
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	50.787.466.346
5	Mức cổ tức	0

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2025

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

4. Chi trả thù lao, phụ cấp của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

HĐQT xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc trả thù lao, phụ cấp, tiền lương cho các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong năm 2024 và trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao, phụ cấp cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) trong năm 2025 như sau:

* Tổng số tiền thù lao, phụ cấp chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 là 465.391.304 đồng, trong đó: Số tiền thù lao, phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng. Thù lao/phụ cấp trả cho các thành viên HĐQT được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và những người quản lý khác của Công ty trong năm 2024 là 1.292.500.000 đồng. Chi tiết tiền lương, thù lao, phụ cấp, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác được nêu tại mục 36.1 (trang 60) của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty và được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.ipa.com.vn.

* Tiền thù lao, phụ cấp sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2025 (và trong thời gian đến khi họp ĐHĐCĐ thường niên năm tiếp theo) là như sau: Số tiền thù lao, phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng.

Tiền thù lao, phụ cấp sẽ chi trả cho các thành viên BKS trong năm 2025 (và trong thời gian đến khi họp ĐHĐCĐ thường niên năm tiếp theo) là như sau: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên BKS là 05 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT, BKS được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng hoặc mỗi 03 tháng 1 lần.

5. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Hiện nay, Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Mô hình này giúp đơn giản hóa cơ cấu quản lý và có thể góp phần đẩy nhanh quá trình ra quyết định của Công ty.

Tuy nhiên, với sự thay đổi lớn về quy mô nguồn vốn, tài sản, HĐQT nhận thấy cần thiết thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty sang mô hình có Ban kiểm soát để tăng cường sự giám sát độc lập, phòng ngừa rủi ro pháp lý và tài chính, tăng tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện hoạt động của Công ty nhằm góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Do đó, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty sang mô hình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động mới của Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Cùng với thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sang mô hình có Ban kiểm soát thì Điều lệ của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung để quy định các nội dung liên quan đến Ban kiểm soát của Công ty. HĐQT cũng đã tổ chức rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản khác trong Điều lệ của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để quy định cụ thể hơn về các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được nêu tại phụ lục đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo các nội dung trình trên đây. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới (Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung) với các nội dung nêu trên.

Đồng thời, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty theo các nội dung trình nêu trên. Giao Chủ tịch HĐQT của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới (Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới (Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi sửa đổi, bổ sung) với các nội dung nêu trên.

6. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có quy định về việc công ty đại chúng phải xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (đối với công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp). Do đó, cùng với việc Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý sang mô hình có Ban kiểm soát thì Ban kiểm soát sẽ cần ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Theo quy định của pháp luật, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Do đó, tại cuộc họp này, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như sau:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 6 và Phụ lục IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

- Chương I gồm có 02 Điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Chương II gồm có 08 Điều, quy định về: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát; Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát; Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát; Quy định về Trưởng Ban Kiểm soát; Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;
- Chương III gồm có 03 Điều, quy định về: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát; Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát; Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020;
- Chương IV gồm có 02 Điều, quy định về: Cuộc họp của Ban Kiểm soát; Quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ; Biên bản họp Ban kiểm soát.
- Chương V gồm có 03 Điều, quy định về: Báo cáo hàng năm của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; quy định về tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát; Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát phải công khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty.
- Chương VI gồm có 03 Điều, quy định về: Mỗi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát; Mỗi quan hệ giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành; và mỗi quan hệ của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị của Công ty.
- Chương VII gồm có 01 Điều, quy định về: hiệu lực thi hành của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các nội dung cụ thể của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được nêu tại Dự thảo quy chế kèm theo Tờ trình này. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thì Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế sẽ có hiệu lực kể từ ngày được ký ban hành.

7. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

HDQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty với nội dung như sau:

a. Phương án phát hành:

Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Tên chứng khoán phát hành	: Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Mã cổ phiếu	: IPA
Loại cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	: 213.835.775 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 213.835.775 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu phát hành (dự kiến)	: 32.075.366 Cổ phiếu
Số vốn điều lệ trước khi phát hành	: 2.138.357.750.000 đồng
Số vốn Điều lệ tăng thêm (dự kiến)	: 320.753.660.000 đồng
Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập
Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
Tỷ lệ phát hành	: 15% (Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sở hữu mỗi 01 (một) cổ phiếu sẽ được 01 (một) quyền, 20 quyền được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm).
Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
Nguồn vốn thực hiện	: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận
Thời gian dự kiến thực hiện	: Trong năm 2025 hoặc năm 2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành. Thời gian cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.
Xử lý cổ phiếu lẻ	: Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 125 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền là 15% thì số cổ phần mà cổ đông được nhận là 18,75 cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn như trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 18 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,75 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.

b. Lưu ký và niêm yết bổ sung:

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu.

c. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nêu trên, ĐHDCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai, thực hiện tất cả các công việc/nội dung cụ thể và/hoặc cần thiết

để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn sau đây:

- Quyết định việc triển khai phương án phát hành và thời điểm triển khai thực hiện việc phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật;
- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục và quyết định tất cả các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi Điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số cổ phần trong Điều lệ Công ty, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau khi kết thúc việc phát hành cổ phiếu;
- Quyết định và chỉ đạo thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu;
- Quyết định quy định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu (nếu cần) và quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến phát hành, đăng ký, lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

8. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT; bầu thành viên Ban kiểm soát

Hiện nay, một thành viên HĐQT của Công ty là Bà Nguyễn Ngọc Thanh đã có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty. Bởi vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Nguyễn Ngọc Thanh. ĐHĐCĐ cũng sẽ thực hiện việc bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2022-2027) để thay thế thành viên HĐQT đã từ nhiệm.

Tại cuộc họp này, ĐHĐCĐ cũng sẽ thực hiện bầu 03 thành viên Ban kiểm soát do Công ty có sự thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý chuyển sang mô hình có Ban kiểm soát (như đã nêu tại Mục 5 Tờ trình này). Nhiệm kỳ của các thành viên Ban kiểm soát là không quá 5 năm kể từ khi được bầu.

Các cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quyền đề cử người để ĐHĐCĐ bầu bổ sung làm thành viên HĐQT, BKS. Ứng viên ứng cử/được đề cử để bầu bổ sung làm thành viên HĐQT, BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bằng cách bỏ phiếu kín như được quy định tại Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.

Thông tin về người ứng cử/được đề cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mà Công ty đã nhận được đề cử/ứng cử tính đến ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ Công ty được giới thiệu trong tài liệu họp ĐHĐCĐ để các cổ đông xem xét bỏ phiếu bầu bổ sung vào HĐQT, BKS.

Trên đây là các nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU TỎ
I.P.A
Vũ Hiền

TU
C.T.C.P.
IP, HA NOI

PHỤ LỤC 1

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÌNH ĐHĐCD THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LP.A NĂM 2025 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCD thường niên Công ty CP Tập đoàn Đầu tư LP.A năm 2025)

1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty như sau:
"Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc."
Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để phù hợp với mô hình quản lý mới của Công ty.
2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty về quyền của cổ đông lớn như sau:
"a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao (theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp). Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phát bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;"
Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định cụ thể hơn về quyền của cổ đông lớn theo các nội dung nêu tại Khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp và đồng thời cũng là căn cứ theo việc chuyển sang mô hình có Ban kiểm soát.
3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty như sau:
"3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 của Điều lệ này."
Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định cụ thể hơn về quyền của cổ đông nêu tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp và để không bị trùng lặp với quy định tại Điều 25 và Điều 37 của Điều lệ.
4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty như sau:

"3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm về Ban kiểm soát trong các vấn đề liên quan đến triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty như sau:

"4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên cũng là để quy định thêm nội dung về Ban kiểm soát trong các vấn đề liên quan đến triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

6. Sửa đổi, bổ sung quy định tại các điểm c, h, k, l khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty như sau:

"c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;"

"h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;"

"k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;"

"l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;"

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm về Ban kiểm soát trong nội dung về quyền và nghĩa vụ của HĐQT, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp.

7. Bổ sung điểm đ vào khoản 2 Điều 15 và sửa đổi, bổ sung điểm e, f, g, r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty như sau:
- "đ) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;"*
- "e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;*
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;*
- g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;"*
- "r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;"*
- Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên cũng là để bổ sung quy định về Ban kiểm soát trong các nội dung quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 138, và Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp.
8. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty như sau:
- "b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;"*
- Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có Ban kiểm soát.
9. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty như sau:
- "a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;"*
- "5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp."*
- Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có Ban kiểm soát, phù hợp với quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
10. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty như sau:
- "d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;"*
- Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có Ban kiểm soát.
11. Sửa đổi, bổ sung quy định tại đoạn đầu khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty như sau:
- "5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:..."*
- Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm nội dung về Ban kiểm soát, tương ứng với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có Ban kiểm soát, phù hợp với quy định tại

Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

12. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 25 Điều lệ Công ty như sau:

"2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 05 ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên và có thời gian sở hữu cổ phần liên tục từ 03 năm trở lên thì có quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị so với số ứng cử viên được quyền đề cử theo quy định nêu trên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định cụ thể về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP và đồng thời tham khảo quy định trong điều lệ của một số các Công ty đại chúng khác.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty như sau:

"1. Công ty có quyền trả thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, phụ cấp và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên."

Khoản 1 và Khoản 2 nêu trên được bổ sung cụm từ "phụ cấp" để đảm bảo tuân thủ tên gọi các khoản tiền mà Công ty chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị có thể là thù lao hoặc phụ cấp tùy theo chức danh của thành viên Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ quy định của Luật doanh nghiệp.

14. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty như sau:

"a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để thêm cụm từ "Ban kiểm soát" trong vấn đề về đề nghị

hợp Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

15. Bổ sung quy định tại đoạn cuối khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty như sau:

"Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để bổ sung Ban kiểm soát trong các vấn đề liên quan đến họp Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

16. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty như sau:

"3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để quy định thêm cụm từ "Ban kiểm soát", tương ứng với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có Ban kiểm soát, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

17. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty như sau:

"2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là xóa bỏ câu cuối tại Khoản 2 Điều 36 do quy định này không còn phù hợp với thực tiễn lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Mục IX Điều lệ Công ty và các quy định tại các điều khoản từ Điều 37 đến Điều 41 của Điều lệ để quy định về hoạt động của Ban kiểm soát, tương ứng với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty:

"IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Ban kiểm soát; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Ban kiểm soát; (iii) Cổ đông

hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 03 ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ này, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp

thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của

Công ty."

19. Bổ sung cụm từ "thành viên Ban kiểm soát" vào các quy định tại Chương X Điều lệ, gồm Điều 42, 43 để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý có ban kiểm soát của Công ty.
20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty như sau:

"b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty."

"3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

21. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 44 Điều lệ Công ty như sau:

"4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để bổ sung thêm nội dung về Ban kiểm soát và phù hợp với khoản 2 Điều 11 Luật Doanh nghiệp.

22. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 Điều lệ Công ty như sau:

"b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để bổ sung thêm nội dung về Ban kiểm soát và phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty có Ban kiểm soát.

23. Ngoài ra, Điều lệ cũng có sửa đổi, bổ sung các thông tin về email của Công ty, điều khoản dẫn chiếu về căn cứ ban hành và hiệu lực tại phần mở đầu và Khoản 1 Điều 59 của Điều lệ.



PHỤ LỤC 2

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A NĂM 2025 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A năm 2025)

1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. *Phạm vi điều chỉnh:* Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. *Đối tượng áp dụng:* Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và những người liên quan.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để bổ sung thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty có Ban kiểm soát.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 3. Hội đồng quản trị

1. *Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty, Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*

2. *Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, cơ cấu thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định Điều 25, Điều 26 Điều lệ Công ty, Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*

3. *Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ Công ty, Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.*

4. *Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*

5. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định cụ thể như sau:

a) *Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban;*

b) *Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.*

c) *Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban.*

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty không còn duy trì Ủy ban kiểm toán.

3. Bổ sung quy định về Ban kiểm soát tại Điều 3a như sau:

“Điều 3a. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 39 Điều lệ Công ty, Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều 3 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty là có Ban kiểm soát.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5, Điều 5 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 4. Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.”

Điều 5. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định từ Điều 20 đến Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định từ Điều 19 đến Điều 21 của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên cũng là để bổ sung thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty có Ban kiểm soát.

6. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thì vẫn bản có giá trị ưu tiên áp dụng sẽ theo trình tự như sau: Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị. Trường hợp trong quá trình

hoạt động mà Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng quản trị quyết định thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông để phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để làm rõ quy định về hiệu lực của Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



PHỤ LỤC 3
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ TRÌNH ĐHĐCD THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
NĂM 2025 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCD thường niên Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A năm 2025)

1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty".

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung của Công ty.

2. Sửa đổi bổ sung quy định tại điểm q khoản 2 Điều 11 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

"q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;"

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung của Công ty và phù hợp với việc Công ty thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động.

3. Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

"1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên nhằm bổ sung quyền hạn của Ban kiểm soát, phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung của Công ty và phù hợp với việc Công ty thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động sang mô hình tại Điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

4. Sửa đổi Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

"Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời."

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên nhằm bổ sung quyền hạn của Ban kiểm soát, phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung của Công ty và phù hợp với việc Công ty thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động sang mô hình tại Điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

5. Ngoài ra, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cũng có sửa đổi các thông tin về ngày có hiệu lực thi hành của Quy chế tại Điều 24 và căn cứ ban hành tại phần mở đầu của Quy chế.



PHỤ LỤC 2

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư LP.A)



1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty như sau:
“Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.”
2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty về quyền của cổ đông lớn như sau:
a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao (theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp). Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.”
3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty như sau:
“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 của Điều lệ này.”
4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty như sau:
“3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản,

trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”

5. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty như sau:

“4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

đ) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.”

6. Sửa đổi, bổ sung quy định tại các điểm c, h, k, l khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty như sau:

“c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;”

“h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;”

“k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;”

“l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;”

7. Bổ sung điểm đ vào khoản 2 Điều 15 và sửa đổi, bổ sung điểm e, f, g, r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty như sau:

“đ) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;”

“e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;”

“r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;”

8. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty như sau:

“b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;”

9. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty như sau:

“a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;”

“5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.”

10. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty như sau:

“d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;”

11. Sửa đổi, bổ sung quy định tại đoạn đầu khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty như sau:

“5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:...”

12. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 25 Điều lệ Công ty như sau:

“2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 05 ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên và có thời gian sở hữu cổ phần liên tục từ 03 năm trở lên thì có quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị so với số ứng cử viên được quyền đề cử theo quy định nêu trên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty như sau:

“1. Công ty có quyền trả thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, phụ cấp và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.”

14. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty như sau:

“a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;”

15. Bổ sung quy định tại đoạn cuối khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty như sau:

“Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.”

16. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty như sau:

“3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”

17. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty như sau:

“2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”

18. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Mục IX Điều lệ Công ty và các quy định tại các điều khoản từ Điều 37 đến Điều 41 của Điều lệ để quy định về hoạt động của Ban kiểm soát, tương ứng với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty:

“IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Ban kiểm soát; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Ban kiểm soát; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 03 ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ này, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp

thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty."

19. Bổ sung cụm từ "thành viên Ban kiểm soát" vào các quy định tại Chương X Điều lệ, gồm

Điều 42, 43 để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý có ban kiểm soát của Công ty.

20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty như sau:

“b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.”

“3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.”

21. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 44 Điều lệ Công ty như sau:

“4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.”

22. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 Điều lệ Công ty như sau:

“b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.”

23. Sửa đổi, bổ sung các thông tin về email của Công ty, điều khoản dẫn chiếu về căn cứ ban hành và hiệu lực tại phần mở đầu và Khoản 1 Điều 59 của Điều lệ.



PHỤ LỤC 3

ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thông qua theo Nghị quyết số 95/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/6/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- p) *Công ty* là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, PHÒNG GIAO DỊCH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

- Tên tiếng Anh: IPA INVESTMENTS GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: IPA INVESTMENTS GROUP

- Tên viết tắt: IPA GROUP., JSC

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại: 024.39365868

Fax: 024.39365869

- E-mail: congbothongtinipa@ipa.com.vn

Website: www.ipa.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

Công ty có thể thành lập chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh (kể cả ở nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm Trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện được thành lập theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 29 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đầy đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba và không bị hạn chế trong bất kỳ giao dịch hoặc lĩnh vực nào.

Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc là đại diện của Công ty trước Bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều 35 Điều lệ này.

3. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ nhiệm/từ chức, bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự:

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020 (chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;</i>	6619
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;</i> (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; (Không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản)	6820
5.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng <i>Chi tiết: Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;</i>	8291
8.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Chi tiết: Hoạt động sản xuất, thiết kế và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm: sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm;</i>	6209
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán <i>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa</i>	6612
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 (Hai nghìn một trăm ba mươi tám tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 213.835.775 (Hai trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ khi Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông có thể được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được thanh toán đủ một lần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy

định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao (theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp). Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa

vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

đ) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được

chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;

k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp

hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 35% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp/thư ký Đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến/tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định và lựa chọn việc áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức bằng tiếng Việt và có thể có phiên dịch sang tiếng nước ngoài nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền

mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng

vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 05 ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên và có thời gian sở hữu cổ phần liên tục từ 03 năm trở lên thì có quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị so với số ứng cử viên được quyền đề cử theo quy định nêu trên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường

hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giải bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm p, điểm r và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác được quy định tại Quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, phụ cấp và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty nêu tại Khoản 4 Điều này.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty xác lập và thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật, đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng của Công ty với các cá nhân/tổ chức, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản của Công ty mở tại các tổ chức tín dụng;

b) Quyết định đầu tư, bán tài sản, quyết định và ký/giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký/giao kết sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh mà Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyết định về mức lương, thù lao, các lợi ích khác, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Bộ luật dân sự, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản

trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết có thể gửi sau khi gửi Thông báo mời họp nhưng chậm nhất là 24h trước khi bắt đầu cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ

trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, đầu tư. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, các thành viên Ban điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị

bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trên cơ sở được Hội đồng quản trị phân quyền/ủy quyền.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và giao điều hành Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này.

2. Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì

Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm hoặc thuê những người khác làm Người điều hành Công ty để tham gia vào việc điều hành Công ty cùng với Tổng giám đốc.

Người điều hành khác của Công ty là người, cùng với Tổng giám đốc, điều hành công việc hằng ngày của Công ty trong các lĩnh vực được Hội đồng quản trị phân công; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Người điều hành khác của Công ty bao gồm: Giám đốc tài chính, Phó tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Người điều hành Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Người điều hành Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Người điều hành Công ty phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Người điều hành Công ty điều hành trái với các quy định nêu trên mà gây thiệt hại cho công ty thì Người điều hành Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Ban kiểm soát; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Ban kiểm soát; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 03 ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ này, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải

thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành

khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Công ty được thành lập.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định

pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Trách nhiệm công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01

thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 56. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới mà dẫn đến điều khoản trong Điều lệ này bị coi là trái pháp luật thì áp dụng những quy định đó của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây của Công ty.
2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

TỔNG GIÁM ĐỐC

MAI HỮU ĐẠT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ HIỀN



PHỤ LỤC 4

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY *(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A)*



1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Ban điều hành, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và những người liên quan.”

Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên là để bổ sung thêm nội dung về Ban kiểm soát, phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty có Ban kiểm soát.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty, Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, cơ cấu thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định Điều 25, Điều 26 Điều lệ Công ty, Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ Công ty, Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định cụ thể như sau:

a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban;

b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”



3. Bổ sung quy định về Ban kiểm soát tại Điều 3a như sau:

“Điều 3a. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 39 Điều lệ Công ty, Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều 3 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4, Điều 5 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 4. Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.”

Điều 5. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định từ Điều 20 đến Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định từ Điều 19 đến Điều 21 của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty.”

6. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thì vẫn bản có giá trị ưu tiên áp dụng sẽ theo trình tự như sau: Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị. Trường hợp trong quá trình hoạt động mà Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng quản trị quyết định thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông để phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.”



PHỤ LỤC 5

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập
đoàn Đầu tư L.P.A)



Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 94/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 95/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2025.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Ban điều hành, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ Công ty và quy định tại Điều 138 của Luật Doanh nghiệp.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 18 đến Điều 21 của Điều lệ Công ty, quy định tại các điều từ Điều 140 đến Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Quy chế về tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Quy chế về tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình của từng thời kỳ có thể quyết định các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác và quy định trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhưng không được trái với quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty, Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, cơ cấu thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định Điều 25, Điều 26 Điều lệ Công ty, Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ Công ty, Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định cụ thể như sau:

- a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban;
- b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Quy chế thành lập và hoạt động của từng tiểu ban.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3a. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 39 Điều lệ Công ty, Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều 3 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 172 Luật doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban điều hành, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định từ Điều 20 đến Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định từ Điều 19 đến Điều 21 của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thì văn bản có giá trị ưu tiên áp dụng sẽ theo trình tự như sau: Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị. Trường hợp trong quá trình hoạt động mà Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng quản trị quyết định thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông để phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHỤ LỤC 6

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư L.P.A)



1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:
"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty".
2. Sửa đổi bổ sung quy định tại điểm q khoản 2 Điều 11 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:
"q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;"
3. Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:
"1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty."
4. Sửa đổi Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:
"Điều 22. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát
1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời."
5. Sửa đổi các thông tin về ngày có hiệu lực thi hành của Quy chế tại Điều 24 và căn cứ ban hành tại phần mở đầu của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

PHỤ LỤC 7

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

*(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập
đoàn Đầu tư I.P.A)*



Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ L.P.A**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư L.P.A.

Căn cứ sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 30/06/2021;

Căn cứ sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 95/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24/6/2025;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Đầu tư L.P.A.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Đầu tư L.P.A bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Ban điều hành tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý (thành viên Ban điều hành) được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch

Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm p, điểm r và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo quy định Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Ban điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng (người có liên quan) sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan theo từng lần giao dịch hoặc quyết định chấp thuận mang tính nguyên tắc chung và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện ký hợp đồng, giao dịch trên cơ sở các nguyên tắc đó.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [60] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị (tự mình hoặc thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [01 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Địa điểm họp Hội đồng quản trị được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Tài liệu và ngôn ngữ họp Hội đồng quản trị là bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài nếu cần thiết.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài nếu cần thiết. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Ban điều hành và Tổng giám đốc thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/06/2025.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty thì quy định của Điều lệ Công ty có giá trị ưu tiên áp dụng. Trường hợp trong quá trình hoạt động mà Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng quản trị quyết định thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hiền

PHỤ LỤC 8

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A)





Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Căn cứ sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 95/2025/NQ-DHDCD ngày 24/6/2025;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Ban kiểm soát; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Ban kiểm soát; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 03 ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ

được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân

viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Ban kiểm soát có trách nhiệm trình báo cáo hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây: (i) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; (ii) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; (iii) báo cáo về các nội dung khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/6/2025.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty thì quy định của Điều lệ Công ty có giá trị ưu tiên áp dụng. Trường hợp trong quá trình hoạt động mà Ban kiểm soát thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Ban kiểm soát thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hồng Huệ



PHỤ LỤC 9

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A)

I. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Tên chứng khoán phát hành	: Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Mã cổ phiếu	: IPA
Loại cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	: 213.835.775 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 213.835.775 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phát hành (dự kiến)	: 32.075.366 Cổ phiếu
Số vốn điều lệ trước khi phát hành	: 2.138.357.750.000 đồng
Số vốn Điều lệ tăng thêm (dự kiến)	: 320.753.660.000 đồng
Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.
Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
Tỷ lệ phát hành	: 15% (Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sở hữu mỗi 01 (một) cổ phiếu sẽ được 01 (một) quyền, 20 quyền được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm).

Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
Nguồn vốn thực hiện	: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận
Thời gian dự kiến thực hiện	: Trong năm 2025 hoặc năm 2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành. Thời gian cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.
Xử lý cổ phiếu lẻ	: Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 125 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền là 15% thì số cổ phần mà cổ đông được nhận là 18,75 cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn như trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 18 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,75 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.

II. Lưu ký và niêm yết bổ sung:

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu.

III. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai, thực hiện các nội dung, bao gồm nhưng không giới hạn sau đây:

- Quyết định việc triển khai phương án phát hành và thời điểm triển khai thực hiện việc phát hành, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật;
- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục và quyết định tất cả các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi Điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số cổ phần trong Điều lệ Công ty, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau khi kết thúc việc phát hành cổ phiếu;

- Quyết định và chỉ đạo thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo trữ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu;
- Quyết định quy định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu (nếu cần) và quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến phát hành, đăng ký, lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu;
- HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

